

**HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH**

Áp dụng đối với: Tòa án nhân dân tỉnh

I. DANH MỤC VÀ BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ

STT	Tên biểu	Ký hiệu biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
A	B	C	D	E
1	Số vụ ly hôn	001.N/T0113-TA	Năm	Ngày 28 tháng 3 năm sau năm báo cáo
2	Tuổi ly hôn trung bình	002.N/T0114-TA	Năm	Ngày 28 tháng 3 năm sau năm báo cáo
3	Số vụ án, số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	003.N/T2003-TA	Năm	Ngày 28 tháng 3 năm sau năm báo cáo

Biểu số 001.N/T0113-TA

Ban hành kèm theo Quyết định số
1217/QĐ-UBND ngày 25/10/2023
của UBND tỉnh Hà Nam

Ngày nhận báo cáo: Ngày 28 tháng
3 năm sau năm báo cáo

SỐ VỤ LY HÔN

Năm

Đơn vị báo cáo:

Tòa án nhân dân

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê

Đơn vị tính: Vụ/việc

	Mã số	Tổng số
A	B	1
Tổng số	01	
<i>Chia theo huyện/quận/thị xã/thành phố</i>	02	
Thành phố	03	
Huyện	04	
.....	05	
	06	
	07	
	08	
	09	
	10	
	11	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 001.N/T0113-TA: SỐ VỤ LY HÔN**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Số vụ ly hôn là số vụ, việc đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho các cặp vợ chồng được ly hôn bằng bản án, quyết định theo Luật hôn nhân và gia đình.

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tổng số vụ/việc đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho các cặp vợ chồng được ly hôn bằng bản án, quyết định theo Luật hôn nhân và gia đình tương ứng với nội dung cột A.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu một năm của năm báo cáo (số liệu có đến ngày 31/12 hàng năm).

4. Nguồn số liệu

Tòa án Nhân dân tỉnh, thành phố

Biểu số 002.N/T0114-TA
Ban hành kèm theo Quyết
định số 1217/QĐ-UBND
ngày 25/10/2023 của UBND
tỉnh Hà Nam
Ngày nhận báo cáo: Ngày
28 tháng 3 năm sau năm báo
cáo

TUỔI LY HÔN TRUNG BÌNH
Năm

Đơn vị báo cáo:
Tòa án nhân dân
.....
Đơn vị nhận báo
cáo:
Cục Thống kê

Đơn vị tính: Tuổi

	Mã số	Tuổi ly hôn trung bình
A	B	1
1. Chia theo giới tính		
- Nam	01	
- Nữ	02	
2. Chia theo thành thị/nông thôn		
- Thành thị	03	
- Nông thôn	04	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 002.N/T0114-TA: TUỔI LY HÔN TRUNG BÌNH**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Tuổi ly hôn trung bình của dân số là trung bình cộng tuổi của tất cả các cá nhân có xảy ra sự kiện ly hôn trong kỳ báo cáo.

Công thức tính:

$$\text{Tuổi ly hôn trung bình} = \frac{\text{Tổng số tuổi của những người ly hôn}}{\text{Tổng số người ly hôn}}$$

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tuổi ly hôn trung bình chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, tương ứng với các dòng của cột A.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu một năm của năm báo cáo (số liệu có đến ngày 31/12 hàng năm).

4. Nguồn số liệu

Tòa án Nhân dân tỉnh, thành phố

	Mã số	Số vụ đã xét xử (vụ)	Số bị cáo đã xét xử (Người)						
			Tổng số	Trong đó: Nữ	Chia theo nhóm tuổi bị cáo				
					Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi	Từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 đến 30 tuổi	Từ đủ 31 tuổi trở lên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	
...									

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 003.N/T2003-TA: SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CÁO ĐÃ XÉT XỬ SƠ THẨM**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Số vụ án, số bị cáo đã xét xử sơ thẩm phản ánh số vụ án và số bị cáo trong vụ án hình sự được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử trong một giai đoạn cụ thể.

Nguyên tắc thống kê theo tội danh:

- Nếu trong một vụ án chỉ có một bị cáo mà bị cáo đó bị xử phạt với nhiều tội danh khác nhau thì thống kê theo tội danh nặng nhất và có mức hình phạt cao nhất (so sánh giữa các tội mà bị cáo bị xét xử). Trong trường hợp có hai hay nhiều tội danh có mức cao nhất của khung hình phạt bằng nhau thì thống kê theo tội danh được qui định tại Điều luật có số thứ tự nhỏ nhất.

- Trong các trường hợp một vụ án có nhiều bị cáo phạm các tội khác nhau thì thống kê số vụ theo bị cáo đầu vụ; đối với các bị cáo phạm tội khác nhau trong vụ án thì thống kê bị cáo theo tội danh mà Tòa án xét xử.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số vụ án đã xét xử trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 2: Ghi số bị cáo đã xét xử trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 3: Ghi số bị cáo là nữ đã xét xử trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.
- Từ cột 4 đến cột 7: Ghi số bị cáo đã xét xử trong kỳ chia theo từng độ tuổi tương ứng với các dòng của cột A.

3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu

Phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu một năm của năm báo cáo (số liệu có đến ngày 31/12 hàng năm).

4. Nguồn số liệu

Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố